

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66 /2020/HSST
Ngày 30/10/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tiến Dũng;

Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Minh Sửu; Ông Đỗ Trọng Hoàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị B - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/HSST ngày 24 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T** - Sinh ngày: 08/7/1976; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKNKTT: Thôn P. L, xã X. T, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Bố đẻ: Lê Văn T - Sinh năm 1948; Mẹ đẻ: Bùi Thị X - Sinh năm 1954; Bị cáo chưa có vợ con. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ hai. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trịnh Đình Hợp, Trợ giúp viên pháp lý - Chi nhánh số 6, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

**** Bị hại:***

1. Ông Nguyễn Hùng Ch - Sinh năm 1968, vắng mặt;
2. Bà Bùi Thị B - Sinh năm 1969, vắng mặt;

Đều trú tại: Thôn L. V, xã T. X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

**** Người làm chứng:***

1. Ông Trần Danh B - Sinh năm 1979, vắng mặt;

Trú tại: Xóm T. N, xã X. T, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Nguyễn Văn C - Sinh năm 1969, vắng mặt;

3. Bà Đỗ Thị Ngọc T - Sinh năm 1973, vắng mặt;

Đều trú tại: Thôn L. V, xã T. X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 03/8/2020, Lê Văn T sinh năm 1976 và Trần Danh B sinh năm 1979 cùng trú tại xã X. T, huyện Thọ Xuân, rủ nhau đi bán mật ong (đi bằng xe mô tô của B). Đến khoảng 15 giờ cùng ngày T và B đi đến nhà ông Nguyễn Hùng Ch sinh năm 1968 ở thôn L. V, xã T. X; Thấy ông Ch đang ở trên cây để lấy nhãn bán, T hỏi mua nhãn thì ông Ch nói nếu mua thì vào nhà gặp vợ ông Ch. Lúc này B đứng ở ngoài cổng, còn T đi vào trong nhà, khi đi đến khu vực bếp có kê 01 chiếc giường, trên giường có 01 túi xách bằng vải; T quan sát thấy ngăn ngoài cùng của túi có tờ tiền polime nên biết trong túi có tiền và nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền có trong túi. T cầm túi lên mở ngăn thứ nhất lấy 790.000 đồng cất giấu vào người, xong tiếp tục mở ngăn thứ 2 (bên trong có 1.973.000 đồng), T thấy trong ngăn có tiền nhưng chưa kịp lấy thì bị bà Bùi Thị B sinh năm 1969 (vợ ông Ch) phát hiện và hô hoán nên T vút túi lại, bỏ chạy và rút tiền vừa lấy được ném xuống nền gạch, nhưng T bị người dân ngăn chặn và bắt giữ. Thấy T bị bắt giữ, B hoảng sợ nên điều khiển xe mô tô và bỏ đi.

Công an xã T. X, huyện Thọ Xuân đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Văn T. Thu giữ số tiền là 2.763.000 đồng gồm: Trên nền nhà của gia đình ông Ch số tiền 770.000 đồng (T bỏ chạy vút xuống nền nhà); thu giữ trong người T số tiền 20.000 đồng (số tiền trộm cắp còn lại trên người T); trong túi vải số tiền là 1.973.000 đồng.

Ngày 05/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thọ Xuân ra Quyết định trưng cầu giám định để xác định các tờ tiền thu giữ là thật hay giả. Tại kết luận giám định số 2285/PC09 ngày 28/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận số tiền trên là tiền thật.

Đối với Trần Danh B quá trình điều tra xác định B không tham gia cùng Lê Văn T trong việc trộm cắp tài sản nên không xử lý.

Đối với số tiền 2.763.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Hùng Ch, ông Ch không.

Cáo trạng số 62/CT-VKSTX ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 15; Điều 38; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 57 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Lê Văn T từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định.

Về trách nhiệm dân sự: Đã xử lý theo quy định của pháp luật trong quá trình điều tra nên không đề nghị xem xét.

Về quan điểm bào chữa của trợ giúp viên pháp lý:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, nghe luận tội của Kiểm sát viên và xét hỏi công khai tại phiên tòa. Người bào chữa không đối đáp gì với Kiểm sát viên. Tuy nhiên, mong muốn Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh khó khăn của gia đình của bị cáo là hộ cận nghèo, bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo và phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại được quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo T để thể hiện sự khoan hồng của nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của cơ quan điều tra Công an huyện Thọ Xuân, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi đó đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Về tội danh, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Chiều ngày 03/8/2020, lợi dụng sơ hở của gia đình ông Ch, T đã vào buồng trộm số tiền 2.763.000đ, do bị phát hiện nên T đã vứt lại số tiền đã chiếm đoạt để bỏ chạy nhưng bị bắt quả tang. Số tiền trên bị cáo đã lấy ra khỏi nơi để là 790.000đ, số còn lại đang thực hiện chiếm đoạt thì bị phát hiện. Việc chưa chiếm đoạt được toàn bộ tài sản là ngoài ý muốn và tội phạm đã hoàn thành. Do vậy, bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự về phạm tội chưa đạt. Và Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, nhất là trong tình hình nay, loại tội xâm phạm quyền sở hữu đang xảy ra trên địa bàn nhiều, gây hoang mang, lo lắng trong cuộc sống B B của nhân dân. Nên cần xử phải xử phạt bị

cáo mức án nghiêm khắc bằng hình phạt tù nhằm răn đe, đáp ứng cho việc phòng ngừa tội phạm.

[4]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Tiền án; Tiền sự; Nhân thân: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bố đẻ bị cáo là ông Lê Văn T là người có công với cách mạng, được Nhà nước trao tặng huy chương kháng Chiến chống Mỹ Hạng Ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng khi lượng hình.

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5]. Đối với anh Trần Danh B quá trình điều tra xác định anh B không tham gia cùng Lê Văn T trong việc trộm cắp tài sản nên không xem xét.

[6]. Về trách nhiệm dân sự và vật chứng, đối với số tiền 2.763.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu, quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hùng Ch không có yêu cầu, đề nghị gì thêm. Hội đồng xét xử thấy rằng các vấn đề trên được xử lý đúng pháp luật nên không xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo Lê Văn T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8]. Về kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Tuyên bố**, bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 15; Điều 38; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 57 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Văn T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày 03/8/2020.

Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo T.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Văn T.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại

vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng